TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tần Quốc Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1972 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn X, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 262/81 Đường Đ, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 262/35 Đường Đ, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Bà Hồ Thị H và ông Trần Văn X chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2020). Chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Hiện đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, nên bà H yêu cầu ly hôn với ông X.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà H xác định bà và ông X không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà H xác định bà và ông X không có tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn X vắng mặt, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Do đó, trong hồ sơ không có lời khai và ý kiến của ông X. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông X vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông X vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tại Biên xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 01/3/2023 thể hiện: Vợ chồng bà Hồ Thị H và ông Trần Văn X không còn sống cùng nhau tại địa chỉ 262/35 Đường Đ, Phường M, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Lâu rồi không thấy hai người còn qua lại với nhau nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà Hồ Thị H khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông Trần Văn X đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Văn X không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà Hồ Thị H và ông Trần Văn X tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2020). Do đó, hôn nhân của bà H và ông X là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà H và ông X phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Cả hai đã ly thân không còn chung sống và không còn qua lại với nhau nữa.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông X vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông X không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Hồ Thị H ly hôn với ông Trần Văn X.

Về con chung: Bà H xác định không có con chung với ông X và ông X không có ý kiến gì về việc có con chung với bà H, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định không có và ông X không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Hồ Thị H phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị H được ly hôn với ông Trần Văn X (Giấy chứng nhận kết hôn số 49, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2020).

- Về con chung: Bà H xác định không có con chung với ông X và ông X không có ý kiến gì về việc có con chung với bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định không có và ông X không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009409 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà Hồ Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tần Quốc Bình